

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 40

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các Công ty con cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022.

1. Thông tin chung

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301445210, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 02 năm 2007 và các lần đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 8 ngày 10 tháng 03 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty có mã chứng khoán là TVT được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định 223/QĐ-SGDHCM ngày 27 tháng 6 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ : 127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : 028 3896 9337 – 3896 0543
- Fax : 028 3896 9319

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất vải.
- Xây dựng dân dụng.
- Lắp đặt máy móc và thiết bị ngành công nghiệp.
- Sản xuất bông, xơ, sợi.
- Sản xuất sản phẩm may mặc.
- Kinh doanh bất động sản.
- Mua bán vải, sản phẩm may mặc.
- Mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi. Mua bán hóa chất ngành công nghiệp, ngành xây dựng (trừ hóa chất độc hại mạnh).
- Mua bán nguyên vật liệu ngành công nghiệp, ngành xây dựng.
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, ngành xây dựng.

Trong 6 tháng đầu năm 2022, hoạt động chính của Công ty là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; hoạt động thoát nước và xử lý nước thải; thu gom rác thải không độc hại; hoạt động của các cảng tin; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban quản lý điều hành

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban quản lý điều hành trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm /miễn nhiệm
Ông Lê Tiến Trường	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm từ 08/06/2022
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm từ 08/06/2022
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Phó chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm từ 08/06/2022
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên	Tái bổ nhiệm từ 08/06/2022
Ông Điều Chí Hào	Thành viên	Tái bổ nhiệm từ 08/06/2022
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên	Bổ nhiệm từ 08/06/2022
Bà Trần Thị Thanh Phương	Thành viên	Miễn nhiệm từ 08/06/2022
Ông Phạm Minh Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm từ 08/06/2022

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Bà Vũ Thị Thùy Dương	Trưởng ban	Bổ nhiệm từ 08/06/2022
Ông Nguyễn Đức Lợi	Thành viên	Bổ nhiệm từ 08/06/2022
Bà Đào Thị Nội	Thành viên	Tái bổ nhiệm từ 08/06/2022

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Quản lý điều hành

Họ và tên

Ông Nguyễn Quang Minh

Ông Lê Nguyên Ngọc

Ông Đậu Phi Quyết

Ông Bùi Đăng Hoàn

Ông Diệp Quốc Bình

Chức vụ

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc
(không chuyên trách)

Phó Tổng Giám đốc

Giám đốc điều hành

Kế toán trưởng

Bổ nhiệm/ miễn nhiệm

Bổ nhiệm từ 25/02/2022

Bổ nhiệm từ 25/02/2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Đức Khiêm – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

7. Công bố các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc công bố Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Ông NGUYỄN QUANG MINH
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2022



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers

Số: 157/2022/BCSXHN-HCM.01074

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP và các công ty con (gọi chung là "Tổng Công ty"), được lập ngày 25 tháng 08 năm 2022, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



NGUYỄN THỊ THANH MINH
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2022

LÊ NGỌC HẢI
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0179-2018-009-1

TÔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.359.710.811.704	856.832.600.782
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	345.546.988.676	105.904.657.085
Tiền	111		215.546.988.676	85.904.657.085
Các khoản tương đương tiền	112		130.000.000.000	20.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		292.596.164.384	172.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	292.596.164.384	172.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		322.429.044.778	286.360.685.998
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	316.724.820.273	275.499.219.678
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.085.255.168	8.429.072.765
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	10.786.681.800	14.236.166.946
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(10.167.712.463)	(11.803.773.391)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.6	377.431.073.903	278.618.696.709
Hàng tồn kho	141		387.630.282.816	287.614.319.652
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.199.208.913)	(8.995.622.943)
Tài sản ngắn hạn khác	150		21.707.539.963	13.948.560.990
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	10.027.567.429	1.720.898.632
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.388.616.411	2.925.150.220
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	8.291.356.123	9.302.512.138
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		493.653.807.515	533.954.940.019
Các khoản phải thu dài hạn	210		19.240.000.000	19.240.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215		19.000.000.000	19.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	5.4	240.000.000	240.000.000
Tài sản cố định	220		398.124.644.525	434.320.255.352
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	398.124.644.525	434.320.255.352
Nguyên giá	222		1.593.151.568.765	1.582.047.762.320
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.195.026.924.240)	(1.147.727.506.968)
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
Nguyên giá	228		1.139.772.808	1.139.772.808
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.139.772.808)	(1.139.772.808)
Bất động sản đầu tư	230	5.10	46.464.632.212	47.942.501.681
Nguyên giá	231		98.575.057.219	97.295.057.219
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(52.110.425.007)	(49.352.555.538)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.937.907.928	5.480.276.021
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	1.937.907.928	5.480.276.021
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	10.240.558.251	9.406.767.558
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		5.640.558.251	4.806.767.558
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.600.000.000	4.600.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		17.646.064.599	17.565.139.407
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	17.191.336.048	17.110.410.856
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		454.728.551	454.728.551
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.853.364.619.219	1.390.787.540.801


TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

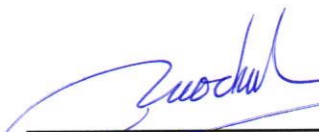
127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.229.111.972.498	761.343.033.561
Nợ ngắn hạn	310		1.171.452.510.030	694.220.034.034
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	98.723.389.935	85.532.938.138
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		18.992.078.330	11.282.347.853
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	43.069.419.142	12.585.955.302
Phải trả người lao động	314		32.867.049.375	49.143.837.733
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.101.644.070	683.572.792
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	244.546.482.115	41.308.239.837
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	715.252.335.789	484.855.520.412
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		15.900.111.274	8.827.621.967
Nợ dài hạn	330		57.659.462.468	67.122.999.527
Phải trả dài hạn khác	337	5.14	6.805.180.318	5.255.936.150
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	50.854.282.150	61.867.063.377
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.16	624.252.646.721	629.444.507.240
Vốn chủ sở hữu	410		624.252.646.721	629.444.507.240
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	210.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.062.727.273	3.062.727.273
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		59.042.458.985	59.042.458.985
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		289.981.692.711	292.597.517.226
LNST chưa phân phối năm trước	421a		232.863.747.833	207.986.326.265
LNST chưa phân phối năm nay	421b		57.117.944.878	84.611.190.961
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		62.165.767.752	64.741.803.756
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.853.364.619.219	1.390.787.540.801


HOÀNG THỊ THUÝ VÂN
Người lập


DIỆP QUỐC BÌNH
Kế toán trưởng


NGUYỄN QUANG MINH
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2022

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		966.576.103.710	810.028.002.121
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.984.542.713	1.174.197.798
Doanh thu thuần	10	6.1	963.591.560.997	808.853.804.323
Giá vốn hàng bán	11	6.2	835.589.635.624	693.289.482.042
Lợi nhuận gộp	20		128.001.925.373	115.564.322.281
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	11.431.923.498	13.995.621.430
Chi phí tài chính	22	6.4	20.328.260.484	17.513.049.052
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		16.167.385.290	17.410.673.236
Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		833.790.693	(996.943.101)
Chi phí bán hàng	25	6.5	7.579.172.826	8.384.104.635
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	40.776.311.641	36.451.079.117
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		71.583.894.613	66.214.767.806
Thu nhập khác	31		608.977.662	15.062.395.157
Chi phí khác	32		247.555.173	555.540.768
Lợi nhuận khác	40		361.422.489	14.506.854.389
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		71.945.317.102	80.721.622.195
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		14.463.812.632	16.935.762.843
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		57.481.504.470	63.785.859.352
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		57.117.944.878	59.511.617.629
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		363.559.592	4.274.241.723
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	2.492	2.604



HOÀNG THỊ THỦY VÂN
Người lập



DIỆP QUỐC BÌNH
Kế toán trưởng



NGUYỄN QUANG MINH
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2022


TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

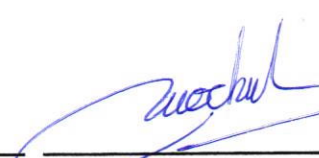
127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

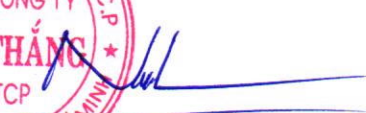
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**(theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

	Mã số	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	71.945.317.102	80.721.622.195
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	51.741.140.083	53.297.716.567
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(432.474.958)	10.707.665.496
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	04	2.974.078.757	(319.420.710)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.629.178.827)	(14.447.345.643)
Chi phí lãi vay	06	16.167.385.290	17.410.673.236
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	130.766.267.447	147.370.911.141
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(32.879.679.711)	(2.184.674.917)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(100.015.963.164)	(89.801.332.363)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	176.894.852.496	101.415.492.210
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(8.387.593.989)	(804.253.606)
Tiền lãi vay đã trả	14	(16.060.347.325)	(17.867.793.467)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.648.237.218)	(9.383.549.944)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(322.813.182)	(385.346.712)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	142.346.485.354	128.359.452.342
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(11.785.958.179)	(18.145.551.837)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	569.380.472	2.918.181.818
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(240.500.000.000)	(184.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	119.903.835.616	125.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.062.794.802	7.229.737.680
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(119.749.947.289)	(67.497.632.339)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	606.197.004.318	608.513.188.882
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(387.566.536.031)	(766.885.856.990)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.143.119.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	216.487.349.287	(158.372.668.108)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	239.083.887.352	(97.510.848.105)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	105.904.657.085	222.145.897.135
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	558.444.239	(29.710.494)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	345.546.988.676	124.605.338.536


HOÀNG THỊ THUÝ VÂN
Người lập


DIỆP QUỐC BÌNH
Kế toán trưởng


NGUYỄN QUANG MINH
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2022

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty bao gồm: Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (công ty mẹ) và các công ty con là Công ty cổ phần May Việt Thắng, Công ty cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt May Bình An và các công ty liên doanh, liên kết là Công ty TNHH Việt Thắng Luch I, Công ty cổ phần Thương mại Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty mẹ”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301445210, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 02 năm 2007 và các lần đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 8 ngày 10 tháng 03 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty có mã chứng khoán là TVT được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định 223/QĐ-SGDHCM ngày 27 tháng 6 năm 2017.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất, thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty mẹ bao gồm:

- Sản xuất vải.
- Lắp đặt máy móc và thiết bị ngành công nghiệp.
- Sản xuất bông, xơ, sợi.
- Sản xuất sản phẩm may mặc.
- Kinh doanh bất động sản.
- Mua bán vải, sản phẩm may mặc.
- Mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi. Mua bán hóa chất ngành công nghiệp, ngành xây dựng (trừ hóa chất độc hại mạnh).
- Mua bán nguyên vật liệu ngành công nghiệp, ngành xây dựng.
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, ngành xây dựng.
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp.
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô.
- Thoát nước và xử lý nước thải.
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá.
- Thu gom rác thải không độc hại.
- Hoạt động của các cảng tin.
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước và;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ cho thuê kho bãi).

Trong kỳ hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; hoạt động thoát nước và xử lý nước thải; thu gom rác thải không độc hại; hoạt động của các cảng tin; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

1.5 Cấu trúc của Tổng Công ty

Danh sách các công ty con; công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 như sau:

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
– Công ty cổ phần May Việt Thắng	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất hàng may mặc, gia công may	52,27%	52,27%
– Công ty cổ phần nguyên phụ liệu Dệt May Bình An	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và mua bán phụ liệu ngành dệt may	58,55%	58,55%

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
– Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các loại áo cao cấp	50,00%	50,00%
– Công ty Cổ phần Thương mại Dệt – May TP. Hồ Chí Minh	96 Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất mua bán nguyên vật liệu ngành dệt	20,00%	20,00%
– Công ty TNHH Thời Trang Hiệp Thắng	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các loại quần áo thời trang	35,00%	18,29%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, tổng số nhân viên của Tổng Công ty là 1.523 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.598 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (công ty mẹ), công ty cổ phần May Việt Thắng (công ty con) và công ty cổ phần nguyên phụ liệu dệt may Bình An (Công ty con) cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

4.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Sản phẩm dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Thành phẩm: bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí bảo hiểm rủi ro tài sản, chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ

Chi phí bảo hiểm rủi ro tài sản, chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian không quá 12 tháng kể từ khi phát sinh.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm trích khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 38 năm
Máy móc, thiết bị	03 – 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 08 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 09 năm

4.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

4.11 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa	05 – 25 năm

4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.13 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh thu đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu về cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu về cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

4.17 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tổng Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

4.20 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.21 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tổng Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tổng Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tổng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.22 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Tập đoàn dệt may Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	Công ty liên doanh
Công ty cổ phần Thương mại Dệt May Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Thời Trang Hiệp Thắng	Công ty liên kết
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ	2.623.407.500	1.141.896.061
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	212.923.581.176	84.762.761.024
Các khoản tương đương tiền	130.000.000.000	20.000.000.000
	345.546.988.676	105.904.657.085

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, các khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 838.692,30 USD tương đương 19.403.146.228 VND.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	292.596.164.384	292.596.164.384	172.000.000.000	172.000.000.000
	292.596.164.384	292.596.164.384	172.000.000.000	172.000.000.000

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng tại Ngân hàng và Công ty tài chính với lãi suất 6,0% - 8,2%/năm.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.2.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	(1)	5.640.558.251	4.806.767.558
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(2)	4.600.000.000	4.600.000.000
		<u>10.240.558.251</u>	<u>9.406.767.558</u>

(1) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:

		30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I		3.687.741.295	2.904.094.811
Công ty CP Thương mại Dệt – may TP. Hồ Chí Minh		-	-
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng		1.952.816.956	1.902.672.747
		<u>5.640.558.251</u>	<u>4.806.767.558</u>

(2) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

		30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty TNHH Dệt Việt Phú		3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty Cổ phần Phong Việt		1.000.000.000	1.000.000.000
		<u>4.600.000.000</u>	<u>4.600.000.000</u>

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết trong kỳ

Công ty CP Thương mại Dệt – may TP. Hồ Chí Minh kinh doanh thua lỗ, đang tạm ngưng hoạt động chờ giải thể. Các công ty liên doanh, liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Tình hình biến động các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Tại ngày đầu kỳ	4.806.767.558	10.761.194.194
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	833.790.693	(996.943.101)
Tại ngày cuối kỳ	<u>5.640.558.251</u>	<u>9.764.251.093</u>

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải thu bên liên quan		
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	1.826.038.524	2.968.147.008
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty TNHH ĐT SX TM Thanh Quang	40.993.278.149	12.019.601.008
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	37.031.458.756	60.270.382.168
Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	33.780.520.942	14.614.637.312
Các khách hàng khác	203.093.523.902	185.626.452.182
	<u>316.724.820.273</u>	<u>275.499.219.678</u>

TÔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.4 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu bên liên quan				
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I				
- Phải thu về cổ tức	2.039.692.233	(2.039.692.233)	2.630.922.000	(2.630.922.000)
- Phải thu về thuốc y tế	9.999.039	-	5.866.088	(5.866.088)
Phải thu tổ chức và cá nhân khác				
Lãi tiền gửi phải thu	6.091.609.589	-	8.404.161.644	-
Phải thu cổ tức	1.080.000.000	-	1.080.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.565.380.939	-	2.115.217.214	-
	10.786.681.800	(2.039.692.233)	14.236.166.946	(2.636.788.088)

5.4.2 Phải thu dài hạn khác

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu tổ chức và cá nhân khác				
Các khoản ký cược, ký quỹ	240.000.000	-	240.000.000	-
	240.000.000	-	240.000.000	-

5.5 Nợ xấu

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu thương mại				
Các đối tượng khác				
<i>Nợ quá hạn trên 2 năm dưới 3 năm</i>				
Công ty TNHH Thương mại Phó Nghiệp Thành	7.854.352.473	-	7.854.352.473	-
<i>Nợ quá hạn trên 3 năm</i>				
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đoàn Kết	273.667.757	-	273.667.757	-
Phải thu khác				
Bên liên quan				
<i>Nợ quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm</i>				
Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I	-	-	1.435.169.783	1.004.618.848
<i>Nợ quá hạn trên 2 năm dưới 3 năm</i>				
Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I	-	-	3.245.202.226	-
<i>Nợ quá hạn trên 3 năm</i>				
Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I	2.049.691.272	9.999.039	-	-
	10.177.711.502	9.999.039	12.808.392.239	1.004.618.848

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Tại ngày đầu kỳ	11.803.773.391	12.604.053.236
Trích lập, (hoàn nhập) dự phòng trong kỳ	(1.636.060.928)	(2.288.455.426)
Tại ngày cuối kỳ	10.167.712.463	10.315.597.810

5.6 Hàng tồn kho

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	6.070.158.128	-	8.328.372.408	-
Nguyên vật liệu	152.213.582.468	(4.806.815.302)	54.747.646.358	(3.603.229.332)
Công cụ và dụng cụ	105.408.908	-	112.959.687	-
Chi phí SX kinh doanh dở dang	84.106.358.499	-	73.123.299.414	-
Thành phẩm	140.511.933.009	(5.392.393.611)	146.538.040.202	(5.392.393.611)
Hàng hóa	153.626.625	-	208.788.816	-
Hàng gửi đi bán	4.469.215.179	-	4.555.212.767	-
	387.630.282.816	(10.199.208.913)	287.614.319.652	(8.995.622.943)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Tại ngày đầu kỳ	8.995.622.943	7.079.415.487
Trích lập dự phòng trong kỳ	1.203.585.970	12.996.120.922
Tại ngày cuối kỳ	10.199.208.913	20.075.536.409

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Bảo hiểm rủi ro tài sản	390.795.605	12.672.726
Công cụ, dụng cụ	2.215.051.954	1.708.225.906
Tiền thuê đất, thuế đất	7.387.139.870	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	34.580.000	-
	10.027.567.429	1.720.898.632

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	826.803.914	1.420.724.102
Công cụ, dụng cụ	11.434.128.563	12.571.660.907
Chi phí khác	4.930.403.571	3.118.025.847
	17.191.336.048	17.110.410.856

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.8 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2022	224.903.293.020	1.343.480.539.032	12.885.406.949	778.523.319	1.582.047.762.320
Tăng trong kỳ	6.685.500.000	1.717.112.386	4.211.197.181	275.734.455	12.889.544.022
Thanh lý trong kỳ	-	(1.381.316.849)	(349.420.728)	-	(1.730.737.577)
Giảm khác	-	(55.000.000)	-	-	(55.000.000)
Tại ngày 30/06/2022	231.588.793.020	1.343.761.334.569	16.747.183.402	1.054.257.774	1.593.151.568.765
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2022	155.438.674.178	982.371.936.607	9.234.037.810	682.858.373	1.147.727.506.968
Khấu hao trong kỳ	4.048.769.298	44.281.955.846	607.908.554	44.636.916	48.983.270.614
Thanh lý trong kỳ	-	(1.334.432.614)	(349.420.728)	-	(1.683.853.342)
Tại ngày 30/06/2022	159.487.443.476	1.025.319.459.839	9.492.525.636	727.495.289	1.195.026.924.240
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2022	69.464.618.842	361.108.602.425	3.651.369.139	95.664.946	434.320.255.352
Tại ngày 30/06/2022	72.101.349.544	318.441.874.730	7.254.657.766	326.762.485	398.124.644.525

- Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 553.118.427.520 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 549.723.767.255 VND).
- Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, giá trị còn lại của một số tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay là 244.988.711.796 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 274.415.361.257 VND).

5.9 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2022	1.139.772.808
Tăng trong kỳ	-
Tại ngày 30/06/2022	1.139.772.808
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2022	1.139.772.808
Khấu hao trong kỳ	-
Tại ngày 30/06/2022	1.139.772.808
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2022	-
Tại ngày 30/06/2022	-
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:	
Tại ngày 01/01/2022	1.139.772.808
Tại ngày 30/06/2022	1.139.772.808

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.10 Tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2022	97.295.057.219
Tăng trong kỳ	1.280.000.000
Tại ngày 30/06/2022	98.575.057.219
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2022	49.352.555.538
Khấu hao trong kỳ	2.757.869.469
Tại ngày 30/06/2022	52.110.425.007
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2022	47.942.501.681
Tại ngày 30/06/2022	46.464.632.212
<i>Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê:</i>	
Tại ngày 01/01/2022	27.323.713.414
Tại ngày 30/06/2022	27.323.713.414

Theo quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày lập báo cáo cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Thu nhập từ việc cho thuê	17.520.716.620	15.808.402.904
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	4.361.019.139	4.654.839.855

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2022 VND	Chi phí phát sinh trong kỳ VND	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ VND	30/06/2022 VND
Mua sắm tài sản cố định				
- Máy ghép không auto leverle	544.325.841	13.629.473	557.955.314	-
- Tài sản khác	494.277.000	5.688.112.656	5.646.088.708	536.300.948
- Nâng cấp hệ thống vận chuyển búp sợi thô tự động	1.379.973.180	-	-	1.379.973.180
Xây dựng cơ bản				
- Nâng cấp nhà kho bông sợi B	1.365.000.000	50.000.000	1.415.000.000	-
- Tài sản khác	-	4.875.433.800	4.853.800.000	21.633.800
Sửa chữa lớn tài sản				
- Công trình cải tạo và nâng cấp nhà xưởng	1.696.700.000	-	1.696.700.000	-
	5.480.276.021	10.627.175.929	14.169.544.022	1.937.907.928

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn, dài hạn**5.12.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải trả các bên liên quan		
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng	11.860.633.577	12.110.395.746
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	923.461.236	-
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Kangwal Polyester Co., Ltd	5.890.056.128	6.722.292.062
Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	3.671.090.147	-
Tổng Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh – TNHH	3.512.248.232	3.633.424.574
Công ty TNHH Tinh Bột Công Nghiệp Việt Đức	3.196.050.000	2.585.000.000
Các nhà cung cấp khác	69.669.850.615	60.481.825.756
	98.723.389.935	85.532.938.138

5.12.2 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tổng Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

5.13 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	01/01/2022		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2022	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT	-	5.460.116.868	41.581.911.893	(32.899.153.833)	-	14.142.874.928
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	148.842.325	(148.842.325)	-	-
Thuế TNDN	-	7.013.327.765	14.463.812.632	(7.648.237.218)	(56.461.850)	13.885.365.029
Thuế thu nhập cá nhân	-	105.659.069	810.318.890	(460.022.928)	-	455.955.031
Thuế tài nguyên	-	6.851.600	15.149.680	(19.844.160)	-	2.157.120
Tiền thuê đất	(9.302.512.138)	-	16.481.036.687	(829.208.055)	(8.233.750.540)	14.583.067.034
Các khoản thuế khác	-	-	30.754.601	(31.898.334)	(1.143.733)	-
	(9.302.512.138)	12.585.955.302	73.531.826.708	(42.037.206.853)	(8.291.356.123)	43.069.419.142

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động của Tổng Công ty là 10% và 0% với mặt hàng xuất khẩu, hoạt động khác là 5% và không chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Các công ty trong Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.14 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.14.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải trả các bên liên quan		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Cổ tức	24.637.500.000	-
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I		
- Cổ tức	173.625.000	347.250.000
- Phải trả khác	-	287.977.854
Phải trả tổ chức và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn	1.897.059.419	1.943.407.439
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	3.487.739.833	970.877.607
Cổ tức phải trả	30.472.978.110	2.708.891.500
Các khoản tài trợ thương mại từ ngân hàng (*)	181.769.313.623	32.815.666.910
Các khoản phải trả khác	2.108.266.130	2.234.168.527
	<u>244.546.482.115</u>	<u>41.308.239.837</u>

(*) Đây là số tiền phải trả cho Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (UPAS/LC) cung cấp bởi các ngân hàng với kỳ hạn trả chậm là 180 ngày.

5.14.2 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải trả tổ chức và cá nhân khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	6.805.180.318	5.255.936.150
	<u>6.805.180.318</u>	<u>5.255.936.150</u>

5.14.3 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tổng Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

5.15 Vay ngắn hạn, dài hạn**5.15.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn các tổ chức khác				
Vay ngắn hạn (*)	693.416.187.789	693.416.187.789	466.652.092.412	466.652.092.412
Cộng: Nợ dài hạn đến hạn trả	21.836.148.000	21.836.148.000	18.203.428.000	18.203.428.000
	<u>715.252.335.789</u>	<u>715.252.335.789</u>	<u>484.855.520.412</u>	<u>484.855.520.412</u>

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Điều kiện và điều khoản của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh				
Khoản vay VND	VND	5,0% - 5,5%	437.033.470.799	260.466.310.934
Khoản vay USD	USD	3,0%	64.030.322.487	63.783.320.350
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh				
Khoản vay VND	VND	5,0% - 5,3%	76.582.878.990	60.413.222.476
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi Nhánh 1				
Khoản vay VND	VND	4,5%	5.851.578.720	-
Ngân hàng Phát triển nhà TP. Hồ Chí Minh				
Khoản vay USD	USD	3,7%	25.043.031.510	11.823.213.240
Ngân hàng SinoPac – CN TP. Hồ Chí Minh				
Khoản vay VND	VND	4,2% - 5,0%	42.169.410.676	7.251.723.681
Ngân hàng TMCP Quốc tế – CN TP. Hồ Chí Minh				
Khoản vay VND	VND	5,0% - 5,5%	42.705.494.607	50.764.495.857
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam				
Khoản vay VND	VND		-	3.779.743.900
Khoản vay USD	USD		-	8.370.061.974
			693.416.187.789	466.652.092.412

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.15.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác				
Vay dài hạn	72.690.430.150	72.690.430.150	80.070.491.377	80.070.491.377
Nợ dài hạn đến hạn trả	(21.836.148.000)	(21.836.148.000)	(18.203.428.000)	(18.203.428.000)
	50.854.282.150	50.854.282.150	61.867.063.377	61.867.063.377

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn năm	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh					
Khoản vay VND	VND	8,0%	05 – 08	17.853.514.215	19.085.364.215
Khoản vay USD	USD	5,58%-5,75%	05 – 08	35.645.948.881	44.702.143.018
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh					
Khoản vay VND	VND	8,4%	05	2.524.617.829	2.962.571.829
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam					
Khoản vay VND	VND	9,2%	05	16.666.349.225	13.320.412.315
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả					
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam					
Khoản vay VND	VND	8,0%	01	(5.600.000.000)	-
Khoản vay USD	USD	5,58%-5,75%	01	(15.360.240.000)	(17.327.520.000)
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh					
	VND	8,4%	01	(875.908.000)	(875.908.000)
				50.854.282.150	61.867.063.377

TỔNG CÔNG TY VIỆT THĂNG - CTCP
 127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.16 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

5.16.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2021	210.000.000.000	3.062.727.273	61.655.958.985	250.052.891.587	67.819.197.291	592.590.775.136
Lãi trong kỳ	-	-	-	59.511.617.629	4.274.241.723	63.785.859.352
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(5.627.026.717)	-	(5.627.026.717)
Chia cổ tức	-	-	-	(35.700.000.000)	(3.255.375.000)	(38.955.375.000)
Số dư 30/06/2021	210.000.000.000	3.062.727.273	61.655.958.985	268.237.482.499	68.838.064.014	611.794.232.771
Số dư 01/07/2021	210.000.000.000	3.062.727.273	61.655.958.985	268.237.482.499	68.838.064.014	611.794.232.771
Lãi trong kỳ	-	-	-	25.099.573.332	(1.034.455.541)	24.065.117.791
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(739.538.605)	(675.304.717)	(1.414.843.322)
Sử dụng quỹ	-	-	(2.613.500.000)	-	(2.386.500.000)	(5.000.000.000)
Số dư 31/12/2021	210.000.000.000	3.062.727.273	59.042.458.985	292.597.517.226	64.741.803.756	629.444.507.240
Số dư 01/01/2022	210.000.000.000	3.062.727.273	59.042.458.985	292.597.517.226	64.741.803.756	629.444.507.240
Lãi trong kỳ	-	-	-	57.117.944.878	363.559.592	57.481.504.470
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(7.233.769.393)	(161.533.096)	(7.395.302.489)
Chia cổ tức	-	-	-	(52.500.000.000)	(2.778.062.500)	(55.278.062.500)
Số dư 30/06/2022	210.000.000.000	3.062.727.273	59.042.458.985	289.981.692.711	62.165.767.752	624.252.646.721

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301445210, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 02 năm 2007 và các lần đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 8 ngày 10 tháng 03 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty mẹ là 210.000.000.000 VND. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 các cổ đông Công ty mẹ đã góp đủ vốn.

	30/06/2022			01/01/2022		
	Cổ phiếu	VND	Tỷ lệ	Cổ phiếu	VND	Tỷ lệ
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.855.000	98.550.000.000	46,93%	9.855.000	98.550.000.000	46,93%
Cổ đông khác	11.145.000	111.450.000.000	53,07%	11.145.000	111.450.000.000	53,07%
	21.000.000	210.000.000.000	100%	21.000.000	210.000.000.000	100%

5.16.3 Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.000.000	21.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

5.16.4 Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 49/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 như sau:

	VND
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.056.871.531
• Chia cổ tức	52.500.000.000
	59.556.871.531

5.17 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ**Ngoại tệ**

	30/06/2022	01/01/2022
Dolla Mỹ (USD)	838.692,30	176.049,79

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán thành phẩm	842.091.569.851	710.493.627.575
Doanh thu bán hàng hóa	55.750.171.292	39.617.993.774
Doanh thu cung cấp dịch vụ	29.777.530.114	28.135.486.903
Doanh thu bán phế liệu	21.436.115.833	16.620.421.135
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	17.520.716.620	15.160.472.734
	966.576.103.710	810.028.002.121
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	(61.194.918)	(91.987.893)
Giảm giá hàng bán	(2.728.092.098)	-
Hàng bán bị trả lại	(195.255.697)	(1.082.209.905)
	(2.984.542.713)	(1.174.197.798)
Doanh thu thuần	963.591.560.997	808.853.804.323

Trong đó doanh thu với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng – doanh thu	-	2.268.000
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I – doanh thu	1.766.137.892	2.565.199.320
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I – giảm trừ doanh thu	(2.168.407.653)	-

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Giá vốn thành phẩm	734.602.242.422	598.095.971.036
Giá vốn hàng hóa	53.096.139.076	39.519.852.011
Giá vốn cung cấp dịch vụ	23.073.864.395	23.583.413.386
Giá vốn phế liệu	19.252.784.622	15.087.215.002
Giá vốn bất động sản đầu tư cho thuê	4.361.019.139	4.006.909.685
Tăng/(hoàn nhập) dự phòng hàng tồn kho	1.203.585.970	12.996.120.922
	835.589.635.624	693.289.482.042

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Tiền lãi chậm thanh toán	22.251.573	34.863.823
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	8.832.680.247	12.866.778.776
Cổ tức được chia	1.440.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.136.991.678	1.093.978.831
	11.431.923.498	13.995.621.430

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

6.4 Chi phí hoạt động tài chính		Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Chi phí lãi vay		16.167.385.290	17.410.673.236
Lỗ chênh lệch tỷ giá		4.160.875.194	-
Chi phí tài chính khác		-	102.375.816
		20.328.260.484	17.513.049.052
6.5 Chi phí bán hàng		Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Chi phí nhân viên bán hàng		1.391.176.525	1.454.462.041
Chi phí hoa hồng		2.533.462.506	2.786.482.035
Cước vận chuyển		895.602.232	1.451.055.475
Chi phí bán hàng khác		2.758.931.563	2.692.105.084
		7.579.172.826	8.384.104.635
6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp		Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý		18.499.728.753	18.454.553.357
Thuế, tiền thuê đất		5.692.486.735	4.155.592.376
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác		16.584.096.153	13.840.933.384
		40.776.311.641	36.451.079.117
6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu		Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND	57.117.944.878	59.511.617.629
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty			
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	VND	(4.784.604.649)	(4.817.730.528)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	52.333.340.229	54.693.887.101
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành bình quân trong kỳ	CP	21.000.000	21.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP	2.492	2.604

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dùng để tính chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" kỳ này là 8% trên lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ căn cứ tỷ lệ dự kiến theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 49/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 Cổ phiếu	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	21.000.000	21.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	21.000.000	21.000.000

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

6.8 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Giá vốn bán hàng hóa	58.398.627.360	42.939.239.982
Chi phí nguyên vật liệu	510.653.526.924	395.974.901.906
Chi phí nhân công	105.900.931.702	100.704.125.277
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.741.140.083	53.297.716.567
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	132.872.565.492	138.312.469.295
	<u>859.566.791.561</u>	<u>731.228.453.027</u>

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	606.197.004.318	608.513.188.882
	<u>606.197.004.318</u>	<u>608.513.188.882</u>

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	387.566.536.031	766.885.856.990
	<u>387.566.536.031</u>	<u>766.885.856.990</u>

TỔNG CÔNG TY VIỆT THĂNG - CTCP
 127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận chia theo vùng địa lý

	Việt Nam		Nước ngoài		Tổng	
	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	828.493.228.788	739.934.284.829	135.098.332.209	68.919.519.494	963.591.560.997	808.853.804.323
Chi tiêu vốn	10.627.175.929	18.029.365.650	-	-	10.627.175.929	18.029.365.650
	30/06/2022	01/01/2022	30/06/2022	01/01/2022	30/06/2022	01/01/2022
Tài sản của bộ phận	1.853.364.619.219	1.390.787.540.801	-	-	1.853.364.619.219	1.390.787.540.801

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tổng Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tổng Công ty. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Tổng Công ty.

Tổng Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tổng Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tổng Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tổng Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tổng Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tổng Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tổng Công ty theo chính sách của Tổng Công ty. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày tại thuyết minh số 5.5 và khoản đầu tư được trình bày tại mục 5.2.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tổng Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tổng Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả:

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 30 tháng 06 năm 2022			
Các khoản vay	715.252.335.789	50.854.282.150	766.106.617.939
Phải trả người bán	98.723.389.935	-	98.723.389.935
Chi phí phải trả	2.101.644.070	-	2.101.644.070
Các khoản phải trả, phải nộp khác	239.161.682.863	6.805.180.318	245.966.863.181
	1.055.239.052.657	57.659.462.468	1.112.898.515.125
Ngày 01 tháng 01 năm 2022			
Các khoản vay	484.855.520.412	61.867.063.377	546.722.583.789
Phải trả người bán	85.532.938.138	-	85.532.938.138
Chi phí phải trả	683.572.792	-	683.572.792
Các khoản phải trả, phải nộp khác	38.393.954.791	5.255.936.150	43.649.890.941
	609.465.986.133	67.122.999.527	676.588.985.660

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Tài sản đảm bảo

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022:

- Tổng Công ty đang thế chấp tài sản cố định của mình để đảm bảo cho khoản vay – xem mục 5.8; và;
- Tổng Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác.

iv. Giá trị hợp lý

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng	308.596.800.043	265.883.023.867	308.596.800.043	265.883.023.867
Phải thu khác	8.746.989.567	7.484.863.366	8.746.989.567	7.484.863.366
Các khoản ký quỹ	240.000.000	4.803.726.000	240.000.000	4.803.726.000
Các khoản đầu tư, cho vay	316.196.164.384	195.600.000.000	316.196.164.384	195.600.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	345.546.988.676	105.904.657.085	345.546.988.676	105.904.657.085
	979.326.942.670	579.676.270.318	979.326.942.670	579.676.270.318
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	766.106.617.939	546.722.583.789	766.106.617.939	546.722.583.789
Phải trả người bán	98.723.389.935	85.532.938.138	98.723.389.935	85.532.938.138
Chi phí phải trả	2.101.644.070	683.572.792	2.101.644.070	683.572.792
Các khoản phải trả khác	245.966.863.181	43.649.890.941	245.966.863.181	43.649.890.941
	1.112.898.515.125	676.588.985.660	1.112.898.515.125	676.588.985.660

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tổng Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 01 tháng 01 năm 2022 và ngày 30 tháng 06 năm 2022, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Ban Tổng Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

10. CÁC THÔNG TIN KHÁC**10.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

10.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
		VND	VND
Tiền lương và các khoản thu nhập khác			
Hội đồng Quản trị	Chức vụ		
Ông Lê Tiến Trường	Chủ tịch HĐQT	8.000.000	-
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Phó Chủ tịch HĐQT	381.628.000	324.803.000
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên	21.000.000	18.000.000
Ông Điều Chí Hào	Thành viên	27.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên	6.000.000	-
Ông Phạm Minh Tuấn	Thành viên	21.000.000	18.000.000
Bà Trần Thị Thanh Phượng	Thành viên	254.411.000	207.872.000
Ban Kiểm soát	Chức vụ		
Bà Vũ Thị Thùy Dương	Trưởng ban	20.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Đức Lợi	Thành viên	120.340.000	110.498.000
Bà Đào Thị Nội	Thành viên	100.059.588	85.493.351
Ban Quản lý điều hành	Chức vụ		
Ông Nguyễn Quang Minh	Tổng Giám đốc	369.986.000	282.310.000
Ông Lê Nguyễn Ngọc	Phó Tổng Giám đốc (không chuyên trách)	240.661.532	215.056.242

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Ông Đậu Phi Quyết	Phó Tổng Giám đốc	148.065.000	-
Ông Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	-	34.000.000
Ông Bùi Đăng Hoàn	Giám đốc điều hành	136.957.000	-
Ông Diệp Quốc Bình	Kế toán trưởng	276.738.000	220.255.000

10.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh đã được trình bày tại mục 6.1, giữa Tổng Công ty với các bên liên quan còn có các giao dịch như sau:


	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng		
Chi phí dịch vụ khác	9.145.171.957	7.571.705.030

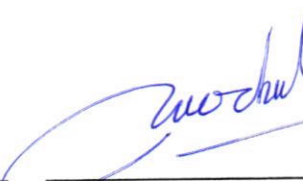
Công nợ với các bên liên quan


Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.3, 5.4, 5.12 và 5.14.

10.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.


HOÀNG THỊ THUÝ VÂN
Người lập


DIỆP QUỐC BÌNH
Kế toán trưởng


NGUYỄN QUANG MINH
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2022